

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2024

V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 25/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M sinh năm 1988; nơi cư trú số nhà 897, tổ 6, phường 1, thành phố Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Tống Văn H sinh năm 1987; nơi cư trú xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2024, bản tự khai 08/4/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị M trình bày:

Về ly hôn: Chị M và anh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 09/5/2012. Từ tháng 6/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần và cả hai vợ chồng đã tự khắc phục mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng; từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị M xin ly hôn anh H.

Về con: Vợ chồng có 01 con là cháu Tống Gia L sinh ngày 02/12/2012; hiện nay cháu L đang do chị M nuôi dưỡng, chị M đề nghị giao cháu L cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; chị M yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đối với anh H: Toà án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự nhiều lần, nhưng anh H không đến Toà án để làm việc, không tham gia phiên toà; nên không có lời khai của anh H trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn trong vụ án chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

- Cho chị M được ly hôn anh H.

- Giao cháu L cho chị M nuôi dưỡng; anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Buộc chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị M khởi kiện “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh H, việc khởi kiện của chị M được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về ly hôn: Chị M và anh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 09/5/2012, tại thời điểm kết hôn chị M và anh H đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; do vậy hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị M khai từ tháng 6/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, đã được hai bên gia đình hoà giải

nhưng không thành, dẫn đến từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh H trong thời gian qua đã không còn yêu thương, quý trọng nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau; việc chị M và anh H sống ly thân đã thể hiện rõ là hôn nhân giữa chị M và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M, cho chị M ly hôn anh H.

[3] Về nuôi con: Chị M và anh H có 01 con là cháu Tổng Gia L sinh ngày 02/12/2012; chị M đề nghị giao cháu L cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay cháu L đang do chị M nuôi dưỡng, trong biên bản lấy lời khai của Tòa án cháu L có khai “Cháu đang ở cùng với mẹ M, nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ vì cháu quen và muốn sống cùng với mẹ nhiều hơn”. Nên chấp nhận đề nghị của chị M giao cháu L cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; yêu cầu của chị M là phù hợp với pháp luật, nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên Tòa án không xem xét giải quyết; nếu anh H có yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thành vụ án riêng. Về công nợ, chị M khai vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí về việc ly hôn: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

- Án phí về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh H có nghĩa vụ dưỡng nuôi con định kỳ theo Quyết định của Tòa án, nên anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M ly hôn anh Tống Văn H.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tuyết M; giao cháu Tống Gia L sinh ngày 02/12/2012 cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng là

2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở cha, mẹ không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001660 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị M đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

- Buộc anh Tống Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ s

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lược